

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Gạch Men Thanh Thanh**

**Năm báo cáo 2014**

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600 665643
- Vốn điều lệ: 59.923.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.923.480.000 đồng
- Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 061.3836066
- Số fax: 061.3836305
- Website: [www.thanhthanhceramic.com](http://www.thanhthanhceramic.com)
- Mã cổ phiếu: TTC

### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Trước năm 1975, Thanh Thanh thuộc sở hữu tư nhân, chủ yếu là sản xuất gạch men 10cm x10cm theo công nghệ SACMI của Ý. Sau 1975, nhà máy được quốc hữu hóa vào ngày 1/7/1976 với tên Nhà máy Gạch Men Thanh Thanh.
- Năm 1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 34A/BXD – TCLD ngày 12/2/1993 của bộ trưởng Bộ Xây dựng, trực thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1. Sau đó Nhà máy được đổi tên thành Công Ty Gạch Men Thanh Thanh hạch toán độc lập theo Quyết định số 201/BXD-TCLĐ ngày 27/03/1995 và được Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước cho phép đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 10055 ngày 05/04/1995 với chức năng chính là sản xuất kinh doanh gạch men và vật liệu xây dựng.
- Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Gạch Men Thanh Thanh thành Công ty Cổ phần, với vốn điều lệ lúc cổ phần hoá là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh số 4703000091 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- **Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường vào ngày 08/08/2006**
- Thương hiệu gạch men Thanh Thanh đã khẳng định được uy tín của mình đối với người tiêu dùng trong nước. Những cột mốc quan trọng đánh dấu các bước phát triển của Công ty được ghi nhận như sau:
  - ✓ Năm 1991 đầu tư trang bị máy ép PH 550 thay thế các thiết bị cũ nâng cao công suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với hàng ngoại nhập; năm 1993, đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch lát nền theo công nghệ mới (nung 01 lần) công suất 1 triệu m<sup>2</sup>/năm;
  - ✓ Năm 1995, tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch lát nền công suất 01 triệu m<sup>2</sup>/năm nâng tổng công suất sản xuất gạch lát nền của Công ty lên 02 triệu m<sup>2</sup>/năm;
  - ✓ Năm 1999, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch với công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu/năm;
  - ✓ Năm 2000, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch granit nhân tạo công suất 1,5 triệu m<sup>2</sup>/năm;
  - ✓ Năm 2003, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp tường công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu m<sup>2</sup>/năm, nâng tổng công suất sản xuất gạch ốp tường của Công ty lên 02 triệu m<sup>2</sup>/năm;
  - ✓ Đến hết năm 2014, Công ty có một tập thể trên 480 cán bộ - công nhân viên, trong đó có nhiều chuyên gia kỹ thuật công nghệ. Công ty đã xây dựng được hệ thống trên 100 nhà phân phối sản phẩm rộng khắp tại các tỉnh thành trong khu vực các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và các Đồng bằng Sông Cửu Long. Công ty cũng đã mở rộng xuất khẩu sang các nước Thái Lan, Campuchia, Srilanka, Nam Triều Tiên, Pakistan v.v... Công ty có thể cung cấp ra thị trường các loại gạch ốp lát với mẫu mã phong phú, kích thước đa dạng đạt chất lượng như: Gạch Granit mài và không mài bóng, gạch ceramic ốp tường và lát nền. Bằng hệ thống máy móc thiết bị được nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như SITI, B&T, Nasetti, System... các phân xưởng của Công ty có tổng cộng 5 dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế với sản lượng 5,5tr m<sup>2</sup>/năm;

- ✓ Công ty đã được Chính phủ phong tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Hai, Ba; đạt Huy chương vàng chất lượng Châu Âu tại Tây Ban Nha 1996; được Báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong 15 năm liền kể từ năm 1997.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh gạch ceramic, granite
- Địa bàn kinh doanh: trong nước và một số quốc gia trong khu vực.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: từ ngày 02/01/2004 mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng Quản Trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, 01 trợ lý Tổng giám đốc và các trưởng phòng ban bộ phận chức năng.
- Các công ty có liên quan: Tổng công ty VLXD Số 1 (nắm 43% vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Bao Bì & KS Số 1 (Cty Thanh Thanh nắm giữ 24% vốn điều lệ), Công ty CP VLXD Cosevco (Công ty Thanh Thanh nắm giữ 6% vốn điều lệ).

### **5. Định hướng phát triển**

#### **a. Mục tiêu chủ yếu:**

Đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức độ hợp lý để duy trì thị trường truyền thống, giữ vững thị phần, phát huy tối đa nguồn lực hiện có nhằm tạo đà phát triển cho giai đoạn sau.

#### **b. Chiến lược trung – dài hạn:**

- Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ: Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp thị sản phẩm tới người tiêu dùng, mở rộng hệ thống phân phối, củng cố thị phần trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường hoạt động marketing: Từ năm 2011, Công ty đã chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp nhằm nâng cao vị thế hương hiệu và tăng cường khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường, đầu tư nghiên cứu phát triển các mẫu mã mới, đa dạng hoá sản phẩm, tạo sự gắn chặt chẽ giữa việc thiết kế mẫu mã với nhu cầu thị trường.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiên cứu kỹ thuật: Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp thiết bị hiện đã cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng vào đầu tư chiều sâu để sản xuất ra những sản phẩm có giá trị cao. Mặt khác Công ty cũng đầu tư nghiên cứu về kỹ thuật nhằm đưa ra các giải pháp giảm chi phí như: tìm kiếm nguyên liệu thay thế, chuyển đổi việc sử dụng nhiên liệu đốt bằng than xich thay dầu điều và dầu FO trong các thiết bị sấy phun v.v...
- Phát triển nguồn nhân lực: Thanh Thanh luôn xem yếu tố con người là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty, phát triển nguồn nhân lực là một trong mục tiêu được ưu tiên hàng đầu. Dù vậy, hiện nay Công ty vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, do đó trong những năm tới Công ty sẽ phải tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên gắn bó và phát huy tối đa năng lực của mình.

**c. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:**

Công ty tích cực áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải rắn; tăng cường các hoạt động xã hội do địa phương phát động; và hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, tuân thủ luật pháp và có đời sống văn hoá phong phú.

**6. Các rủi ro**

Hiện nay, rủi ro kinh doanh của công ty tập trung chủ yếu vào các yếu tố: thị trường xây dựng chưa có dấu hiệu khởi sắc; nền kinh tế phát triển chậm nên nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước về VLXD vẫn ở mức thấp; cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vật liệu thay thế là những nguyên nhân chính có thể làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ của công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

- ✓ Năm 2014, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do bị tác động của suy thoái kinh tế thế giới đã ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Thị trường bất động sản trầm lắng kéo dài, thị trường vật liệu xây dựng tuy có khởi sắc nhưng cũng còn tiêu thụ chậm, gói hỗ trợ 30.000 tỷ đồng của Chính phủ cho thị trường bất động sản chưa phát huy hiệu quả rõ rệt.
- ✓ Trong tình hình kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty cũng đã có nhiều cố gắng để nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo toàn nguồn lực để làm tiền đề cho việc phát triển tốt trong các năm tới.
- ✓ Đến cuối năm, tình hình tài chính Công ty khá ổn định, chủ động được việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, khoản chi hoạt động, nguồn thu tốt. Lợi nhuận đạt: 16.007.493.460 đồng.

**- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Tên chỉ tiêu	Thực hiện 2013 (tr.đ)	Kế hoạch 2014 (tr.đ)	Thực hiện 2014 (tr.đ)	TH 2014 / KH 2014 (%)	TH 2014 / TH 2013 (%)
<b>I. Chỉ tiêu tài chính</b>					
<b>1. Doanh thu</b>	<b>331.432</b>	<b>330.000</b>	<b>377.637</b>	<b>114</b>	<b>114</b>
<i>Trong đó xuất khẩu:</i>	<i>1.250</i>	<i>1.300</i>	<i>1.821</i>	<i>140</i>	<i>146</i>
<i>2. Giá vốn hàng bán</i>	<i>228.287</i>	<i>291.135</i>	<i>332.828</i>	<i>114</i>	<i>115</i>
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>43.145</b>	<b>38.865</b>	<b>44.809</b>	<b>115</b>	<b>104</b>
<i>4. Doanh thu HĐTC</i>	<i>506</i>		<i>1.893</i>		<i>374</i>
<i>5. Chi phí HĐTC</i>	<i>518</i>	<i>1.636</i>	<i>557</i>	<i>34</i>	<i>107</i>
<i>6. Chi phí bán hàng</i>	<i>12.958</i>	<i>14.328</i>	<i>467</i>	<i>112</i>	<i>124</i>
<i>7. Chi phí quản lý</i>	<i>13.587</i>	<i>12.901</i>	<i>16.049</i>	<i>112</i>	<i>107</i>
<b>8. Lợi nhuận từ SXKD</b>	<b>16.589</b>	<b>10.000</b>	<b>14.496</b>	<b>156</b>	<b>94</b>
<i>9. Lợi nhuận khác</i>	<i>(963)</i>		<i>406</i>		
<b>10. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>15.624</b>	<b>10.000</b>	<b>16.007</b>	<b>160</b>	<b>102</b>
<b>II. Chỉ tiêu sản phẩm</b>					
1. Sản phẩm sản xuất	4.848.364	4.500.000	5.295.357	118	109
- Gạch lát nền	1.192.306	1.050.000	1.245.714	119	104
- Gạch ốp tường	2.776.755	2.600.000	3.186.796	123	115

- Gạch granite	879.303	850.000	862.847	102	98
2. Sản phẩm tiêu thụ	4.760.568	4.750.000	5.321.519	112	112
- Gạch lát nền	1.100.758	1.150.000	1.290.666	112	117
- Gạch ốp tường	2.852.193	2.800.000	3.153.007	113	111
- Gạch granite	807.617	800.000	877.846	110	109
<b>III. Lương bình quân</b>	<b>5.81</b>	<b>6.09</b>	<b>7.2</b>	<b>118</b>	<b>124</b>

## 2. Tổ chức và nhân sự

### - Danh sách Ban điều hành:

#### (1) Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Trần Hưng Lương Ngày sinh: 01/8/1962

Nơi sinh: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 1B, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.3834816

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác: từ 1984 – 1988: NV phòng Kỹ thuật XN Cơ khí sửa chữa máy thiết bị -TCT Xây dựng 1; từ 1988 – 2004: NV phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1 (VITALY); từ 2004 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh

#### (2) Ông Lê Xuân Thái - Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Lê Xuân Thái Ngày sinh: 29/11/1970

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Nội, (Hà Tây cũ)

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Cựu, TP.Huế, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 16HV, KP1, Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác: từ 1994 – 2002: NV phòng Kỹ thuật Công ty gạch men Thanh Thanh; từ 2002 – 2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP gạch men Thanh Thanh; từ 2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh.

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không có.
- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.**
  - ✓ Số lượng lao động tại ngày 31/12/2014: 490 lao động
  - ✓ Thu nhập bình quân người lao động: 7,2 triệu đồng /người/tháng
  - ✓ Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác; các chính sách về nghỉ phép, lễ được thanh toán đầy đủ theo chính sách; các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được thực hiện đầy đủ theo quy định.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2014 công ty đã đầu tư mua mới hệ thống máy mài và hút bụi sử dụng cho phân xưởng Granite trị giá 72.600 USD tương đương 1.542.459.600 đồng.

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

**Đvt: ngàn đồng**

Chỉ tiêu	2013	2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	138.089.098	156.044.138	113,00
Doanh thu thuần	331.432.456	377.636.977	113,94
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.587.792	15.601.464	94,05
Lợi nhuận khác	-963.310	406.029	-42,15
Lợi nhuận trước thuế	15.624.482	16.007.493	102,45
Lợi nhuận sau thuế	14.327.663	13.494.535	94,19
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,921	1,917	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,714	0,785	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,446	0,464	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,806	0,867	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / HTK bình quân	4,126	4,277	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	2,400	2,420	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/ D.thu thuần	0,043	0,036	
+ Lợi nhuận sau thuế / Vốn VCSH	0,187	0,161	
+ Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,104	0,086	
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,050	0,041	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần: 5.992.348cp

Cổ phần đang lưu hành: 5.940.528cp

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.866.517cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 74.011cp



**b) Cơ cấu cổ đông:**

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>5.218.111</b>	<b>87,08</b>
1	Cá nhân	2.571.308	42,91
2	Tổ chức	2.646.803	44,17
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>774.237</b>	<b>12,92</b>
1	Cá nhân	391.987	6,54
2	Tổ chức	382.250	6,38
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.992.348</b>	<b>100</b>

**Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn**

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	(%)
1	Tổng Công ty VLXD số 1- TNHH MTV	Tầng 15 Toà nhà Sailing Tower, Q.1, TP.HCM	2.563.500	42,78
2	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	381.500	6,37
2	Đặng Minh Toàn	546 Đường số 7, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân	295.100	4,92
3	Huỳnh Thị Kim Chung	P118 Lầu 1 CC675 Nguyễn Kiệm, TP.HCM	295.000	4,92
4	Nguyễn Thị Châu	1/9C Đường Bình Long, Q. Bình Tân, TP.HCM	293.500	4,90
5	Ngô Thị Anh Thu	242 Huỳnh Văn Bánh, F11, Q.Phú Nhuận	287.400	4,80
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.116.000</b>	<b>68,68</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản - xuất kinh doanh

- a) **Về tình hình sản xuất năm 2014:** Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành cũng như nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.
- Loại bỏ các sản phẩm lỗi thời, tạo các sản phẩm ceramic mới gồm: gạch ốp tường 30x45, 50x100 và lát nền 50 x50; 60x60; granit 50x50; 60x60 nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng kích thước mẫu mã đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường kiểm soát, tiết kiệm nguyên liệu;
  - Chuyển đổi và duy trì nguồn nhiên liệu đốt lò hợp lý, từ dầu FO sang than, từ khí LPG, DO sang dùng khí CNG nên đã tiết kiệm được: gần 20 tỷ đồng/năm;
  - Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2014: 5.295.357 m<sup>2</sup> gạch, tăng 9,2% so với sản lượng đã thực hiện của năm 2013.

Năm so sánh	2013	2014
Tỷ lệ loại A+AA	<b>82,09</b>	<b>97,96</b>
Tỷ lệ loại B	<b>15,63</b>	
Tỷ lệ phế phẩm	<b>2,28</b>	<b>2,04</b>

- b) **Về tình hình kinh doanh năm 2014:** Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung, Công ty cố gắng tiết kiệm chi phí, trong khi thúc đẩy hoạt động tiêu thụ, đạt mức tiêu thụ 5.321.519 m<sup>2</sup> gạch, tăng 11,78% so với năm 2013: Doanh thu đạt 377.637 triệu đồng, tăng 13,94% so với năm 2013.

#### c) **Tình hình tài chính**

- Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận / Vốn đầu tư chủ sở hữu : 22,52%

Công ty tăng cường kiểm tra, tiết giảm chi phí tiêu hao nguyên nhiên vật liệu đặc biệt là các chi phí về Gas, than xich; tìm kiếm các đối tác cung cấp nguyên nhiên vật liệu có giá rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng; tăng cường công tác quản lý để tăng tỷ lệ sản phẩm loại 1, giảm phế phẩm; đẩy mạnh tiêu thụ, giảm chi phí tồn kho.

- Khả năng thanh toán:
  - Hệ số thanh toán hiện hành: 1,917
  - Hệ số thanh toán nhanh: 0,785

Qua các hệ số trên cho thấy khả năng đảm bảo nợ ngắn hạn của Công ty khá tốt (1,917) trong khi vẫn sử dụng tối ưu nguồn tiền mặt và tương đương tiền với đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất, tránh tồn đọng tiền mặt nhiều (0,785)

- Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12 của năm 2014: 156.044 tỷ đồng
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:  
Tất cả cổ phiếu do Công ty Thanh Thanh phát hành đều là cổ phiếu phổ thông, tính đến ngày 31/12/2014 là 5.992.348 cổ phiếu. Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	2.563.500	43%
Cổ đông khác	3.428.848	57%
Tổng cộng	5.992.348	100%

## 2. Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, khôi phục sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tích cực thiết kế mẫu mã mới, sản phẩm mới để đưa ra thị trường nhất là gạch ceramic lát nền 50x50, 60x60 và Gạch ốp tường 300x450, 50x100
- Hoàn thiện thiết bị và công nghệ để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao cấp, đa dạng cung cấp cho thị trường bậc cao. Tập trung cải tạo công tác tiếp thị, phấn đấu mở rộng thị trường để hoàn thành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015;
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng giảm giá thành sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh;

- Nghiên cứu tạo sản phẩm mới, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá bán tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Tiếp tục tìm mặt bằng thích hợp, thuận lợi về mặt nhiên liệu và năng lượng, nằm trong khu công nghiệp tập trung để đầu tư mới, kết hợp di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA C/TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng, đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 16,007 tỷ đồng (160% kế hoạch) là nhờ nỗ lực rất lớn từ lãnh đạo đến toàn thể CB-CNV công ty đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng cao giá bán như:

- Tăng cường quản lý, tiết kiệm nhiên liệu, đẩy mạnh công tác xuất khẩu, giảm lượng tồn kho khó luân chuyển.
- Tăng cường công tác thị trường, chăm sóc và sàng lọc các đại lý, đồng thời tìm thêm đại lý mới có khả năng tiêu thụ tốt hơn.
- Từ việc khai thác tốt các dự án chuyển đổi nhiên liệu và phát huy tối đa, toàn diện đã giảm chi phí, hạ giá thành, làm tăng lợi thế cạnh tranh, tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nên kết quả sản xuất kinh doanh được cải thiện đáng kể.
- Khẳng định thương hiệu với thị trường bằng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, xây dựng các chế độ, chính sách bán hàng; ưu đãi, hỗ trợ công tác tiêu thụ đặc biệt tới các đại lý.

Hội đồng quản trị cũng nhận định năm 2014 Công ty đã gặp nhiều khó khăn khách quan như sau:

- Thị trường gạch ốp tường, lát nền trong nước hiện vẫn đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của gạch Trung Quốc về giá và mẫu mã, hiện tượng gian lận thương mại chưa được giải quyết triệt để.
- Thiết bị máy móc của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, hư hỏng nhiều, chi phí bảo trì sửa chữa lớn, làm chi phí tăng.

## 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2015, kinh tế được nhận định vẫn còn nhiều khó khăn, lĩnh vực xây dựng nói chung và VLXD nói riêng không phải là ngoại lệ.
- Thị trường tiêu thụ hàng hóa thu hẹp, nhu cầu tiêu dùng giảm sút dẫn đến sự trì trệ của nhiều nền kinh tế lớn. Ở trong nước, mặc dù Chính phủ có nhiều chính sách hỗ trợ, kiềm chế lạm phát nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hàng tồn kho vẫn còn cao, thị trường bất động sản chưa sôi động trở lại,... sẽ ảnh hưởng đến thị trường chung của các lĩnh vực khác.
- Riêng với Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh, mục tiêu chính của các năm 2015 -2016 vẫn là sản xuất với công suất hợp lý để duy trì thị trường, giữ vững thị phần và tạo việc làm ổn định cho người lao động đồng thời phát huy nội lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các năm tiếp theo

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số hữu cá nhân	Số hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ VDL %
1	Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	-	1.500.000	1.500.000	25,03
2	Trần Hưng Lương	Ủy viên	14.350	700.000	714.350	11,92
3	Hồ Hữu Phước	Ủy viên	9.060	363.500	372.560	6,22
4	Võ Thị Thu Thủy	Ủy viên	11.000	-	11.000	0,18
5	Viễn Đông	Ủy viên	-	-	-	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>34.410</b>	<b>2.563.500</b>	<b>2.597.910</b>	<b>43,35</b>

#### b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên toàn thể và đã có nhiều quyết định quan trọng, cụ thể như sau:

- Quyết định thông qua tại phiên họp đều được sự nhất trí của các thành viên dự họp, đạt tỷ lệ 100%, nội dung mang tính chất chỉ đạo và định hướng để

ban điều hành cùng CB.CNV Công ty thực hiện nghiêm túc. HĐQT luôn chủ động nắm tình hình đầu tư kinh doanh hiện tại và đưa ra định hướng kế tiếp góp phần phát triển, ổn định hoạt động Công ty.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 25/04/2014
- Chọn Công ty kiểm toán DFK Việt Nam. Trụ sở: 426, Cao Thắng, Q.10, TP.Hồ Chí Minh kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.
- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, khôi phục sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động.
- Giám sát việc rà soát để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số hữu cá nhân	Số hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ % VĐL
1	Khuong Thị Chăm	Trưởng ban	500		500	0,008
2	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên				
3	Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	5.110		5.110	0,085
	<b>Tổng cộng</b>		5.610		5.610	0,093

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên của BKS hoạt động độc lập. Hàng tháng, quý đều có trao đổi các vấn đề về quản lý hoạt động SXKD của công ty; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, xem xét các nghị quyết và có ý kiến trực tiếp với HĐQT và Ban điều hành.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Đvt: triệu đồng

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Thù lao 2014</b>	<b>Tiền lương 2014</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	60		
2	Trần Hưng Lương	Thành viên	36	515,120	kiêm TGD
3	Hồ Hữu Phước	Thành viên	36	194,386	kiêm TPTC
4	Châu Th Diệu Phương	Thành viên	12		
5	Viễn Đông	Thành viên	36		
6	Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	24	217,527	kiêm KTT
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Khương Thị Chăm	Trưởng ban	36		
2	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên	18		
3	Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	18		
<b>III</b>	<b>Ban giám đốc</b>				
1	Lê Xuân Thái	PT.giám đốc		313,762	

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.**

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

#### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

#### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có



sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**P.GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Văn Tuyên

\_\_\_\_\_  
HỒ ĐẮC HIẾU

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

0111-2013-042-1

0458-2013-042-1

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

### a. Bảng cân đối kế toán 2014

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>131 712 560 674</b>	<b>111 185 866 896</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>29 707 513 137</b>	<b>18 011 389 828</b>
1. Tiền	111		6 707 513 137	16 000 223 161
2. Các khoản tương đương tiền			23 000 000 000	2 011 166 667
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>23 598 559 401</b>	<b>23 213 282 528</b>
1. Phải thu khách hàng	131		23 586 870 473	23 553 919 658
2. Trả trước cho người bán	132		619 392 337	516 126 827
3. Các khoản phải thu khác	135		758 827 600	790 023 894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1 366 342 556)	(1 646 787 851)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>77 810 094 953</b>	<b>69 867 092 966</b>
1. Hàng tồn kho	141		83 745 437 509	75 858 334 640
2. Dự phòng giảm giá tồn kho	149		(5 935 342 556)	(5 991 241 674)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.04</b>	<b>596 393 183</b>	<b>94 101 574</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15 120 000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		525 223 683	
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			7 411 574
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		56 049 500	86 690 000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>24 331 577 129</b>	<b>26 903 231 585</b>
<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19 123 077 129</b>	<b>21 827 531 585</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	19 064 221 133	21 735 043 585
- Nguyên giá	222		246 477 496 091	244 530 469 861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227 413 274 958)	(222 795 426 276)
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.06</b>	<b>58 855 996</b>	<b>92 488 000</b>
- Nguyên giá	228		100 896 000	100 896 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42 040 004)	(8 408 000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.07</b>	<b>4 950 000 000</b>	<b>4 950 000 000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1 920 000 000	1 920 000 000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		3 030 000 000	3 030 000 000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.08</b>	<b>258 500 000</b>	<b>125 700 000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			-
2. Tài sản dài hạn khác	268		258 500 000	125 700 000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156 044 137 803</b>	<b>138 089 098 481</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>72 448 876 434</b>	<b>61 630 002 580</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68 693 876 434</b>	<b>57 875 002 580</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	13 616 011 495	6 666 393 300
2. Phải trả người bán	312	V.10	22 582 097 139	23 410 985 206
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	863 915 272	1 900 113 669
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	510 780 370	898 312 838
5. Phải trả người lao động	315	V.12	13 495 708 744	10 786 349 201
6. Chi phí phải trả	316		12 269 452	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	17 079 803 273	14 288 492 477
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		533 290 689	(75 644 111)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3 755 000 000</b>	<b>3 755 000 000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	3 755 000 000	3 755 000 000
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>83 595 261 369</b>	<b>76 459 095 902</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>83 595 261 369</b>	<b>76 459 095 902</b>

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59 923 480 000	59 923 480 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313 744 700	313 744 700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424 272 909	424 272 909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652 100 000)	(652 100 000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		6 877 701 334	5 468 736 977
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 957 520 391	1 487 865 606
8. Quỹ khác thuộc vốn CSH	419		100 000 000	100 000 000
9. LN sau thuế chưa phân phối	420		14 650 642 035	9 393 095 710
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>156 044 137 803</b>	<b>138 089 098 481</b>

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			397 681 410	60 100 728
5. Ngoại tệ các loại				
+ USD			271 257,35	65 606,48
+ EUR			126,63	102,36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

**b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2014**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*Đơn vị: VND*

	<b>CHỈ TIÊU</b>	<i>M ã số</i>	<i>Thuyế t minh</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>		<b>378 199 313 863</b>	<b>332 456 392 991</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		562 336 951	1 023 937 182
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.01</b>	<b>377 636 976 912</b>	<b>331 432 455 809</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	332 827 563 159	288 286 579 838
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp d/vụ</b>	<b>20</b>		<b>44 809 413 753</b>	<b>43 145 875 971</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1 893 187 614	505 641 600
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	556 672 679	518 134 645
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		467 413 679	629 164 645
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.05	16 048 778 737	12 957 695 336
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	14 495 685 857	13 587 895 229
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>15 601 464 094</b>	<b>16 587 792 361</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	614 393 831	208 051 102
12.	Chi phí khác	32	VI.08	208 364 465	1 171 361 903
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>406 029 366</b>	<b>(963 310 801)</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận KT trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16 007 493 460</b>	<b>15 624 481 560</b>
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2 512 958 392	1 296 818 905
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13 494 535 068</b>	<b>14 327 662 656</b>
<b>18.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>2 272</b>	<b>2 412</b>

**c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2014**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16 007 493 460</b>	<b>15 624 481 560</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
<b>Khấu hao tài sản cố định</b>	<b>02</b>	<b>5 382 023 147</b>	<b>6 911 624 635</b>
Các khoản dự phòng	03	(336 155 960)	(455 922 641)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(47 974 887)	(24 170 218)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1 829 174 308)	110 897 784
Chi phí lãi vay	06	467 413 679	629 164 645
<b>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19 643 625 131</b>	<b>22 796 075 765</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(592 191 641)	(2 100 610 866)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(7 887 102 869)	4 674 072 617
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	1 619 140 926	7 134 669 576
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(15 120 000)	2 655 571
Tiền lãi vay đã trả	13	(455 144 227)	(629 164 645)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2 475 113 110)	(986 823 536)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1 167 200 000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1 300 000 000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9 705 294 210</b>	<b>30 890 874 482</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2 677 568 691)	(2 282 196 000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	166 045 454	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		339 600 000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1 663 128 854	318 502 216
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(848 394 383)</b>	<b>(1 624 093 784)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101 006 218 349	130 473 729 177

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94 056 600 154)	(148 017 839 227)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4 158 369 600)	
<b><i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i></b>	<b>40</b>	<b>2 791 248 595</b>	<b>(17 544 110 050)</b>
<b><i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i></b>	<b>50</b>	<b>11 648 148 422</b>	<b>11 722 670 648</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18 011 389 828	6 278 235 903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	47 974 887	10 483 277
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>29 707 513 137</b>	<b>18 011 389 828</b>

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty**

Đã ký

**TRẦN HƯNG LƯƠNG**